

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Giang Vân và bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 1997

HKTT: Thôn Tiên Phong, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tạm trú: Tổ 9 phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Thành Trá B, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Tiên Phong, thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/02/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Huyền T trình bày:

Chị và anh Thành Trá B tự nguyện về sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 17/8/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, trong làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau tìm cách khắc phục mâu thuẫn và gia đình hai bên đã tham gia góp ý hoà giải nhưng không thành. Từ cuối năm 2022 anh chị đã sống ly thân không quan tâm tới nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Thành Trá B.

Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có một con chung là cháu Thành Quang K sinh ngày 12/7/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, chị và anh B có một số tài sản chung khi ly hôn chị tự thỏa thuận chia với anh B và không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Đối với bị đơn anh Thành Trá B, Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu của nguyên đơn. Anh B cũng không có mặt tại Toà án theo triệu tập và không tham gia hoà giải.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Thành Quang K và cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được do anh B vắng mặt tại phiên hoà giải không có lý do.

Tại phiên toà hôm nay chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn về giải quyết về nuôi con chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Nguyễn Huyền T ly hôn anh Thành Trá B. Về con chung, xử giao cháu Thành Quang Khải cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Huyền T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Thành Trá B. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. **Anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh B.**

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Nguyễn Huyền T và anh Thành Trá B có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện B, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng cuộc sống chung của chị

và anh B không hạnh phúc do anh chị có bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau và anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Theo xác minh tại địa phương thì hiện tại anh B ở cùng mẹ đẻ là bà Chu Thị Mây, chị T và anh B đã không chung sống với nhau từ khoảng năm 2023 đến nay là đúng sự thật. Như vậy có thể nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho T ly hôn anh B là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh B có một con chung là cháu Thành Quang K sinh ngày 12/7/2013, hiện nay cháu đang ở cùng chị T, Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu K và cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Xét thấy chị T hiện là lao động tự do đi làm thuê có thu nhập và từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Khải ở cùng chị T. Như vậy chị T có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cho cháu được ổn định cuộc sống, học tập và được chăm sóc tốt nhất thì Hội đồng xét xử cần giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Nguyễn Huyền T ly hôn anh Thành Trá B.

2/ Về con chung, xử giao cháu Thành Quang K sinh ngày 12/7/2013 cho chị Nguyễn Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Thành Trá B không phải dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Huyền T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số **0000826** ngày 27/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, chị đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- UBND TT NT P;
- Dương sự;
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

